TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ- ST
Ngày 04-5-2019
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ *tham gia phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 17/01/2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 09/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số .13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thu Tr**, sinh năm 1987; HKTT: Xóm C, thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Khu B, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (đối diện Trường Tiểu học C A).Có mặt

- Bị đơn: Anh **Trần Trọng T**, sinh năm 1982; HKTT,nơi cư trú: Xóm C, thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Lê Thu Tr trình bày: Tôi và anh Trần Trọng T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/12/2008. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì mới phát sinh mâu thuẫn do anh T rượu chè, đánh chửi tôi. Tháng 7/2017, tôi phát hiện anh T ngoại tình, quan hệ bất chính với người phụ nữ đã có gia đình tại nhà nghỉ xã TĐ, anh T đã sai nhưng không biết lỗi còn về nhà đập phá tài sản. Tôi và anh T đã ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo D, sinh ngày 25/7/2014. Hai cháu đang ở với tôi. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi cháu D, giao cháu Q cho anh T nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Trọng T đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Bố đẻ anh Trần Trọng T – ông Trần Trọng T1 trình bày: Hiện nay anh T đang sinh sống với gia đình tại Xóm C, thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, còn anh T làm việc trên Lương Sơn, Hòa Bình. Gia đình tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án và đã động viên anh T đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Tr nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc.

Anh T và chị Tr kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2008. Sau khi kết hôn, anh T, chị Tr chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, chị Tr không có mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Từ khoảng giữa năm 2017, anh T và chị Tr bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tôi không rõ. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn anh T, tôi mong anh T và chị Tr hòa giải để về chung sống với nhau, cùng nuôi dạy con cái, trường hợp chị Tr kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh T và chị Tr có 02 con chung là cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo D, sinh ngày 25/7/2014. Trường hợp anh T và chị Tr ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi dưỡng cháu Q, cháu D còn nhỏ để chị Tr nuôi dưỡng.

Anh T và chị Tr có những tài sản chung gì tôi không rõ, anh T và chị Tr sẽ tự giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Gia đình tôi nhận sẽ giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T và sẽ động viên anh T đến Tòa án giải quyết việc chị Tr xin ly hôn.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự

năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị Tr được ly hôn anh T. Con chung: Giao cháu D cho chị Tr nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh T nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.Chị Tr phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Chị Lê Thu Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Trần Trọng T. Hiện anh Trần Trọng T đang cư trú tại Xóm C, thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn – anh Trần Trọng T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Trọng T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu Tr và anh Trần Trọng T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/12/2008 là hợp pháp. Quá trình anh T, chị Tr chung sống bình thường, đến năm 2017 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Tr nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ngoại tình, quan hệ bất chính với người phụ nữ đã có gia đình tại nhà nghỉ xã TĐ, anh T đã sai nhưng không biết lỗi còn về nhà đập phá tài sản, chị Tr và anh T đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Anh T đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa chị Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa chị Tr và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tr với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo D, sinh ngày 25/7/2014. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi cháu D, để anh T nuôi dưỡng cháu Q. Bố đẻ anh T có nguyện vọng để anh T được nuôi cháu Q,cháu Q có nguyện vọng ở với anh T, cháu D còn nhỏ để chị Tr nuôi dưỡng. Do đó, giao cho chị Tr được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác, giao anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị Tr có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tr và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thu Tr** được ly hôn anh **Trần Trọng T.**

2. Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo D, sinh ngày 25/7/2014.

Chị Lê Thu Tr được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Bảo D, sinh ngày 25/7/2014 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Trần Trọng T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 13/11/2009 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Trần Trọng T, chị Lê Thu Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thu Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003777 ngày 17 tháng 01 năm 2019

Chị Lê Thu Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Trọng T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Quý